

Tổng hợp cấu trúc đảo ngữ với các trạng từ phủ định

I. Đảo ngữ (Inversion) là gì?

Đảo ngữ là hình thức thay đổi vị trí thông thường của chủ ngữ và động từ trong câu để nhấn mạnh một thành phần nào đó. Trong tiếng Anh, đảo ngữ thường được sử dụng với các trạng từ hoặc cụm trạng từ mang ý nghĩa phủ định hoặc giới hạn. Đây là một cấu trúc ngữ pháp nâng cao, thường xuất hiện trong các bài thi quan trọng và văn phong trang trọng.

II. Các cấu trúc đảo ngữ với trạng từ phủ định thường gặp

1. Never / Rarely / Seldom / Little

Các trạng từ này có nghĩa là "không bao giờ", "hiếm khi", "hầu như không". Khi đứng đầu câu để nhấn mạnh, chúng ta phải đảo ngữ.

Công thức: Never/Rarely/Seldom/Little + Trợ động từ + S + V

- **Ví dụ 1:** *Never have I seen such a breathtaking view.* (Tôi chưa bao giờ thấy một cảnh tượng ngoạn mục như vậy.)
- **Ví dụ 2:** *Rarely does my father watch television.* (Bố tôi hiếm khi xem tivi.)
- **Ví dụ 3:** *Little did she know that she was being watched.* (Cô ấy không hề biết rằng mình đang bị theo dõi.)

2. No sooner ... than ...

Cấu trúc này diễn tả hai hành động xảy ra liên tiếp, hành động này vừa kết thúc thì hành động khác xảy ra ngay lập tức. "Vừa mới... thì đã...".

Công thức: **No sooner + had + S + Vp2 + than + S + V(qua khứ đơn)**

- **Ví dụ 1:** *No sooner had I arrived home than the phone rang.* (Tôi vừa về đến nhà thì điện thoại reo.)
- **Ví dụ 2:** *No sooner had the teacher left the room than the students started talking.* (Thầy giáo vừa ra khỏi phòng thì học sinh bắt đầu nói chuyện.)

3. Hardly / Barely / Scarcely ... when / before ...

Tương tự như "No sooner...than", cấu trúc này cũng diễn tả hai hành động xảy ra nối tiếp nhau. "Vừa mới / Khó khăn lắm mới... thì...".

Công thức: **Hardly/Barely/Scarcely + had + S + Vp2 + when/before + S + V(qua khứ đơn)**

- **Ví dụ 1:** *Hardly had she put the phone down when it rang again.* (Cô ấy vừa đặt điện thoại xuống thì nó lại reo.)
- **Ví dụ 2:** *Scarcely had we started our meal before the doorbell rang.* (Chúng tôi vừa mới bắt đầu bữa ăn thì chuông cửa reo.)

4. Not only ... but also ...

Cấu trúc này dùng để nhấn mạnh ý "Không những... mà còn...". Đảo ngữ chỉ xảy ra ở vế đầu tiên (vế có "Not only").

Công thức: **Not only + Trợ động từ + S + V + but S also + V**

- **Ví dụ 1:** *Not only is he a talented musician, but he is also a great painter.*
(Anh ấy không chỉ là một nhạc sĩ tài năng mà còn là một họa sĩ tuyệt vời.)
- **Ví dụ 2:** *Not only did they miss the flight, but they also lost their luggage.*
(Họ không những bị lỡ chuyến bay mà còn bị mất hành lý.)

5. Các cụm từ có "No": **At no time / On no account / Under no circumstances / In no way**

Các cụm từ này mang ý nghĩa phủ định tuyệt đối: "không bao giờ", "dù bất cứ lý do gì cũng không", "dù trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không".

Công thức: **Cụm từ có No + Trợ động từ + S + V**

- **Ví dụ 1:** *At no time was the victim able to identify his attacker.* (Không lúc nào nạn nhân có thể nhận dạng được kẻ tấn công mình.)
- **Ví dụ 2:** *On no account should you touch this button.* (Dù bất cứ lý do gì bạn cũng không được chạm vào cái nút này.)
- **Ví dụ 3:** *Under no circumstances are members of staff permitted to smoke in the office.* (Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, nhân viên cũng không được phép hút thuốc trong văn phòng.)

6. **Not until / Not since**

Cấu trúc này có nghĩa "Mãi cho đến khi... thì mới..." hoặc "Kể từ khi... thì chưa...". Lưu ý, đảo ngữ chỉ xảy ra ở mệnh đề chính (mệnh đề thứ hai).

Công thức: **Not until/since + Mệnh đề/Cụm từ chỉ thời gian + Trợ động từ + S + V**

- **Ví dụ 1:** *Not until I got home did I realize my wallet was missing.* (Mãi cho đến khi về nhà tôi mới nhận ra mình bị mất ví.)
- **Ví dụ 2:** *Not until the year 2000 was the new law introduced.* (Mãi cho đến năm 2000 luật mới mới được ban hành.)
- **Ví dụ 3:** *Not since her childhood has she been back to her hometown.* (Kể từ thời thơ ấu, cô ấy chưa bao giờ trở lại quê hương.)

7. Only after / Only when / Only if / Only by ...

Các cấu trúc với "Only" được đặt ở đầu câu để nhấn mạnh. Tương tự "Not until", đảo ngữ chỉ xảy ra ở mệnh đề chính.

Công thức: Only + [Cụm từ/Mệnh đề] + Trợ động từ + S + V

- **Ví dụ 1 (Only after):** *Only after he had finished his homework could he go out with his friends.* (Chỉ sau khi làm xong bài tập về nhà, cậu ấy mới có thể đi chơi với bạn.)
- **Ví dụ 2 (Only when):** *Only when I have enough money will I buy a new car.* (Chỉ khi có đủ tiền tôi mới mua một chiếc ô tô mới.)
- **Ví dụ 3 (Only by):** *Only by practicing every day can you become a professional player.* (Chỉ bằng cách luyện tập mỗi ngày bạn mới có thể trở thành một tuyển thủ chuyên nghiệp.)

8. No/Not + Noun

Cấu trúc này dùng để nhấn mạnh sự phủ định liên quan đến một danh từ.

Công thức: No/Not a + Noun + Trợ động từ + S + V

- **Ví dụ 1:** *Not a single word did she say when she heard the news.* (Cô ấy không nói một lời nào khi nghe tin.)
- **Ví dụ 2:** *No reason did he give for his strange behavior.* (Anh ta không đưa ra lý do nào cho hành vi kỳ lạ của mình.)

III. Bảng so sánh các cấu trúc tương đồng

Cấu trúc	Công thức	Liên từ
No sooner...	No sooner + had + S + Vp2...	... than + S + V(quá khứ đơn)
Hardly/Barely/Scarcely...	Hardly/Barely/Scarcely + had + S + Vp2...	... when/before + S + V(quá khứ đơn)

IV. Lưu ý quan trọng

1. **Xác định đúng trợ động từ:** Cần xác định đúng thì của câu gốc để chọn trợ động từ (do, does, did, have, has, had, will, can, should...) cho phù hợp.
2. **Động từ chính:** Sau khi đã dùng trợ động từ, động từ chính của câu sẽ trở về dạng nguyên mẫu (nếu trợ động từ là do/does/did/modal verb) hoặc dạng Vp2 (nếu trợ động từ là have/has/had).
3. **Văn phong:** Đảo ngữ thường được dùng trong văn viết trang trọng hoặc để tạo hiệu ứng nhấn mạnh trong văn nói.